



|| Báo cáo chiến lược tháng 11/2023

Tạm lắng giữa tâm bão



Mở tài khoản
liền tay



Cập nhật vĩ mô

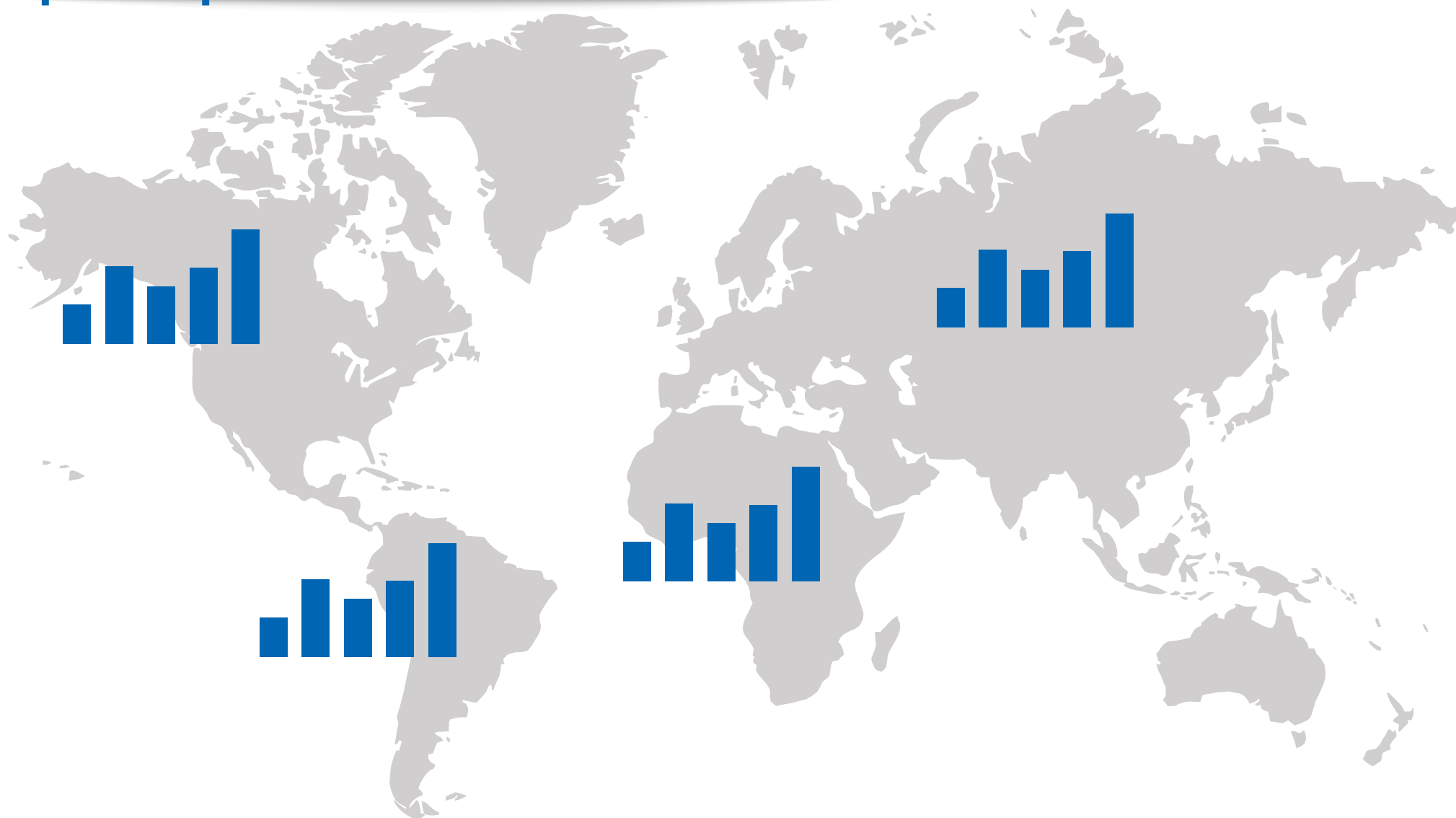
1. Vốn FDI đăng ký mới tăng mạnh trong tháng 10
2. Xuất nhập khẩu duy trì đà phục hồi nhưng vẫn chậm
3. Lạm phát tháng 10 tiếp tục tăng nhưng đã chậm lại
4. Sản xuất tiếp tục hồi phục trong tháng 10 nhưng còn chậm
5. Tổng mức bán lẻ vẫn tăng trưởng nhưng chậm hơn quá khứ
6. Giá vàng tăng - Áp lực tỷ giá vẫn cao
7. Mặt bằng lãi suất tăng trở lại - Rủi ro vĩ mô ở mức độ “cần chú ý”

Triển vọng thị trường

1. Diễn biến thị trường tháng 10/2023
2. Giao dịch khối ngoại tháng 10/2023
3. Triển vọng TTCK tháng 11/2023
4. Hiệu quả khuyến nghị đầu tư của YSVN



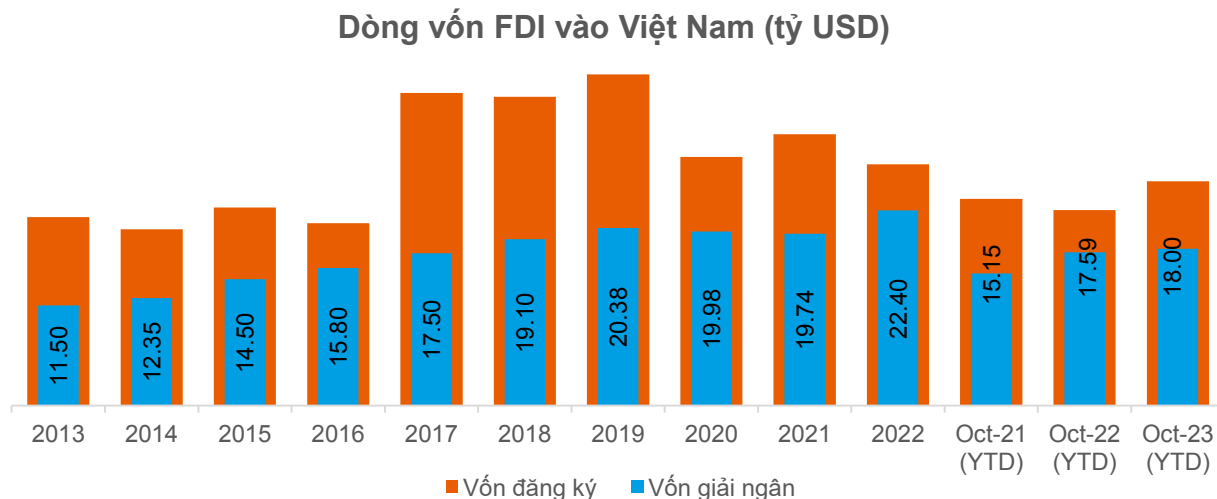
CẬP NHẬT VĨ MÔ



2023

1. Vốn FDI đăng ký mới tăng mạnh trong tháng 10

- **Tổng vốn FDI đăng ký tính từ đầu năm tới 20/10/2023 đạt 25.76 tỷ USD (+14.7% YoY), tăng trưởng dương lần thứ 4 liên tiếp kể từ đầu năm.** Trong đó, có 2,608 dự án được cấp phép mới (+66.1% YoY), với số vốn đăng ký mới đạt 15.29 tỷ USD (+54.0% YoY); có 1,051 dự án đăng ký điều chỉnh vốn (+19.4% YoY) với số vốn tăng thêm 5.33 tỷ USD (-39.0% YoY). **Vốn góp mua cổ phần đạt 5.13 tỷ USD (+35.4% YoY). Vốn giải ngân tính từ đầu năm tới 20/10/2023 đạt 18.00 tỷ USD, tiếp tục tăng 2.4% YoY.**
- **Tổng vốn FDI đăng ký mới tăng mạnh trong tháng 10/2023 với 5.55 tỷ USD (+49.9% YoY, +169.5% MoM).** Vốn FDI giải ngân trong tháng 10 đạt 2.09 tỷ USD (+3.3% YoY nhưng giảm -25.8% MoM). Số vốn FDI đăng ký mới tăng mạnh trong tháng 10 chủ yếu nhờ 5 dự án FDI mới ở Quảng Ninh với tổng số vốn đăng ký 2.2 tỷ USD, trong đó, dự án Tổ hợp công nghệ tế bào quang điện Jinko Solar Hải Hà Việt Nam tại KCN Cảng biển Hải Hà của Công ty TNHH Công nghiệp Jinko Solar Việt Nam, có tổng vốn đầu tư 1.5 tỷ USD. Chúng tôi vẫn duy trì quan điểm dòng vốn FDI tiếp tục tăng trưởng nhờ 1) vốn đăng ký mới tiếp tục đi vào ngành sản xuất - chế biến - chế tạo cho thấy xu hướng bền vững; 2) hạ tầng giao thông cải thiện tích cực nhờ đẩy mạnh đầu tư công; 3) các tỉnh thành, địa phương đang có xu hướng thi đua thu hút các công ty lớn nước ngoài đầu tư vào khu vực của mình bằng các chính sách ưu đãi riêng, chương trình giao lưu – triển lãm với các tổ chức, nhà đầu tư quốc tế.

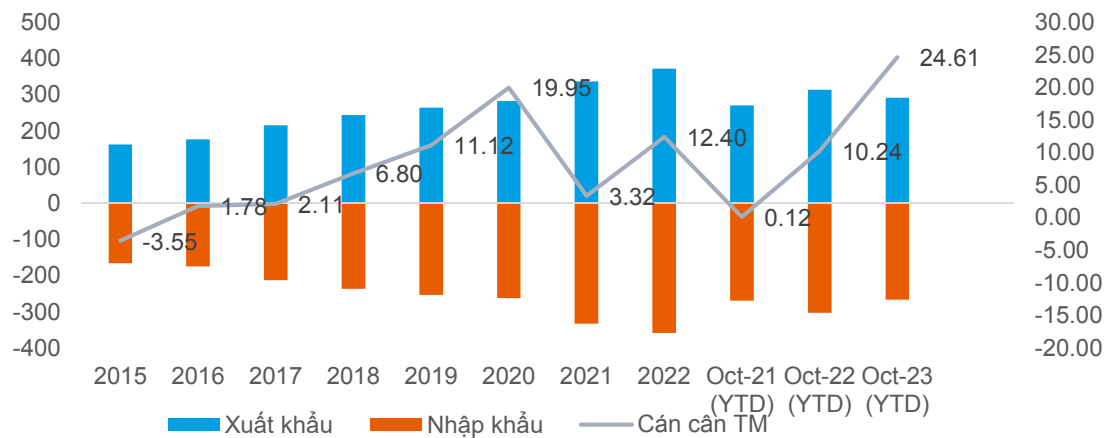


Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

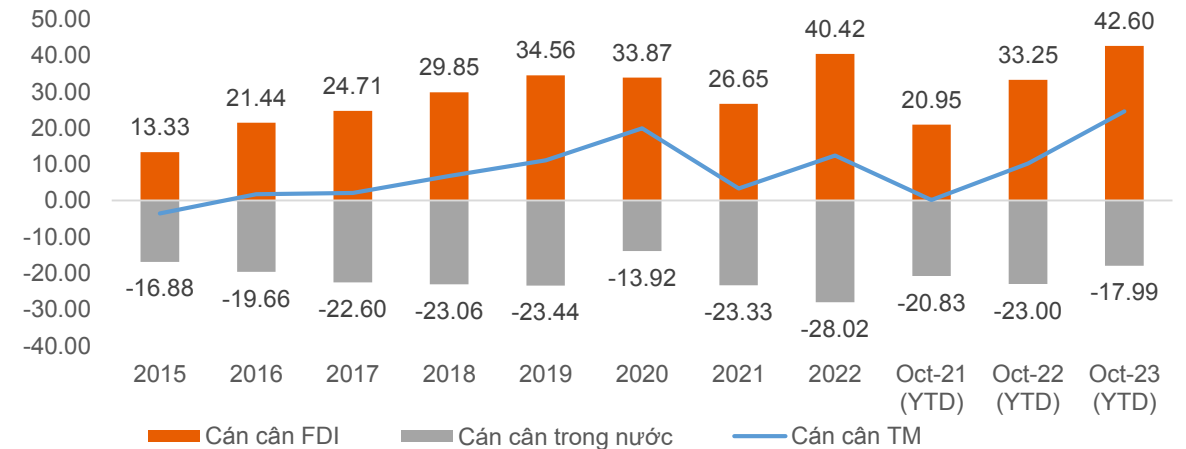
2. Xuất nhập khẩu duy trì đà phục hồi nhưng vẫn chậm

- **Kim ngạch XNK T10/2023 đạt 61.62 tỷ USD, tăng 5.6% YoY, tăng 4.1% MoM.** Trong đó, xuất khẩu đạt 32.31 tỷ USD, tăng 5.9% YoY, tăng 5.3% MoM; nhập khẩu đạt 29.31 tỷ USD, tăng 5.2% YoY, tăng 2.9% MoM. Tình hình xuất nhập khẩu tháng 10 trở lại tăng trưởng MoM và nối tiếp tháng thứ 2 liên tiếp tăng trưởng YoY. Cán cân thương mại xuất siêu 3.00 tỷ USD (+17.8% YoY, +36.4% MoM). Trong đó, khối FDI xuất siêu 4.87 tỷ USD; khối DN trong nước nhập siêu 1.87 tỷ USD.
- **Lũy kế 10T2023,** kim ngạch XNK đạt 557.95 tỷ USD, giảm 9.6% YoY, trong đó XK 291.28 tỷ USD (-7.1% YoY), NK 266.67 tỷ USD (-12.3% YoY). Xuất siêu 24.61 tỷ USD (+140.2% YoY), trong đó, khối FDI xuất siêu 42.60 tỷ USD, tăng 28.1% YoY, khối DN trong nước nhập siêu 17.99 tỷ USD.
- Tình hình xuất nhập khẩu tháng 10/2023 trở lại đà tăng trưởng MoM sau khi sụt giảm trong tháng 9, tháng 10 cũng là tháng thứ 2 liên tiếp có kim ngạch XNK tăng trưởng YoY. Nhìn chung, chúng tôi nhận thấy XNK vẫn đang tiếp tục hồi phục nhẹ với “tháng sau cao hơn tháng trước”, chúng tôi cũng lưu ý là tốc độ hồi phục là còn chậm. Bên cạnh đó, một số mặt hàng có giá trị xuất khẩu vẫn duy trì tăng trưởng tốt trong T10/2023 và 10T2023 như: nông sản (rau quả, gạo, sắn, hạt điều), phương tiện vận tải, điện tử - linh kiện, giấy và các sản phẩm từ giấy.

Xuất - Nhập khẩu và cán cân thương mại



Cán cân thương mại theo khu vực

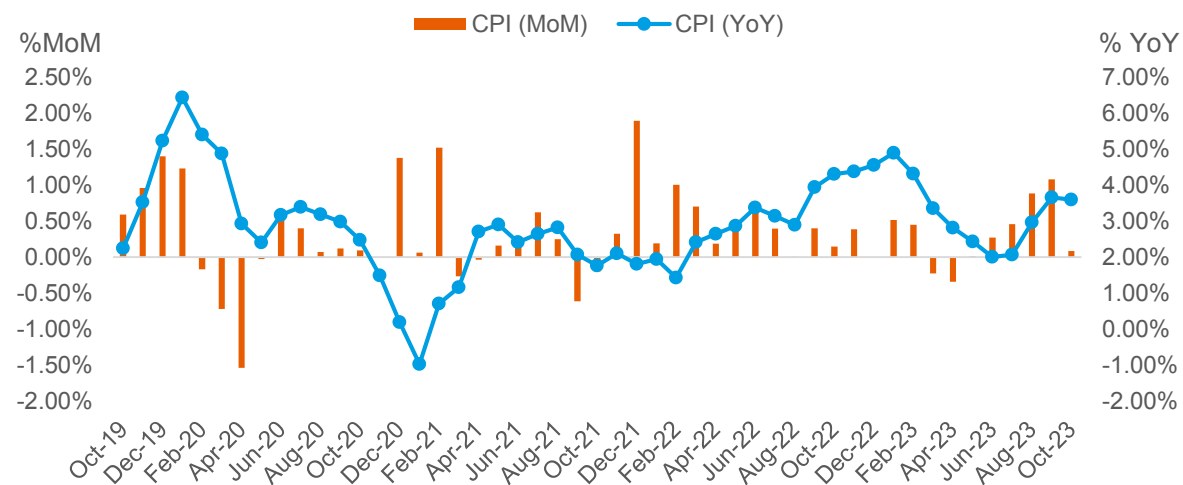


Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

3. Lạm phát tháng 10 tiếp tục tăng nhưng đã chậm lại

- **CPI tháng 10/2023 tăng 0.08% MoM, tăng 3.59% YoY, chậm hơn mức tăng của tháng 9.** Cụ thể, hầu hết giá các nhóm hàng đều tăng trong tháng 10, tuy nhiên chỉ có nhóm Giáo dục là tăng mạnh nhất (+2.25% MoM), các nhóm còn lại chỉ tăng nhẹ như Nhà ở và VLXD (+0.27% MoM), Hàng hóa và dịch vụ khác (+0.21% MoM), Đồ uống và thuốc lá (+0.15% MoM), May mặc – mũ nón và giày dép (+0.12% MoM). Ngược lại, có 2 nhóm giảm giá là Giao thông (-1.51% MoM) và Bưu chính viễn thông (-0.11% MoM).
- Trong tháng 10/2023, CPI tăng 0.08% MoM tiếp tục là tháng tăng MoM thứ 5 liên tiếp nhưng tốc độ tăng đã chậm hơn nhiều so với các tháng gần đây. CPI tháng 10 tăng tiếp tục do ảnh hưởng bởi nhóm giáo dục khi học phí tăng cho năm học 2023-2024 theo lộ trình của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP. Các nhóm hàng hóa khác có mức tăng giá không mạnh. Ở chiều ngược lại, giá cả giảm chủ yếu nhờ giá xăng dầu điều chỉnh giảm.
- Nhìn chung, CPI bình quân 10T2023 tăng 3.21%, vẫn dưới mức mục tiêu của Chính phủ là 4.5%, là một điều tích cực. Chúng tôi cho rằng CPI tiếp tục tăng trong tháng 10 vẫn là điểm cần lưu ý, tuy nhiên điểm tích cực là ngoại trừ nhóm Giáo dục, mức tăng giá ở các nhóm hàng hóa đều đã chậm lại so với các tháng trước. Chúng tôi cho rằng tác động của giá xăng dầu vẫn sẽ là một điều cần lưu ý đối với lạm phát. Tuy nhiên, **chúng tôi vẫn đánh giá cao kịch bản lạm phát cả năm 2023 trong mục tiêu dưới 4.5%.**

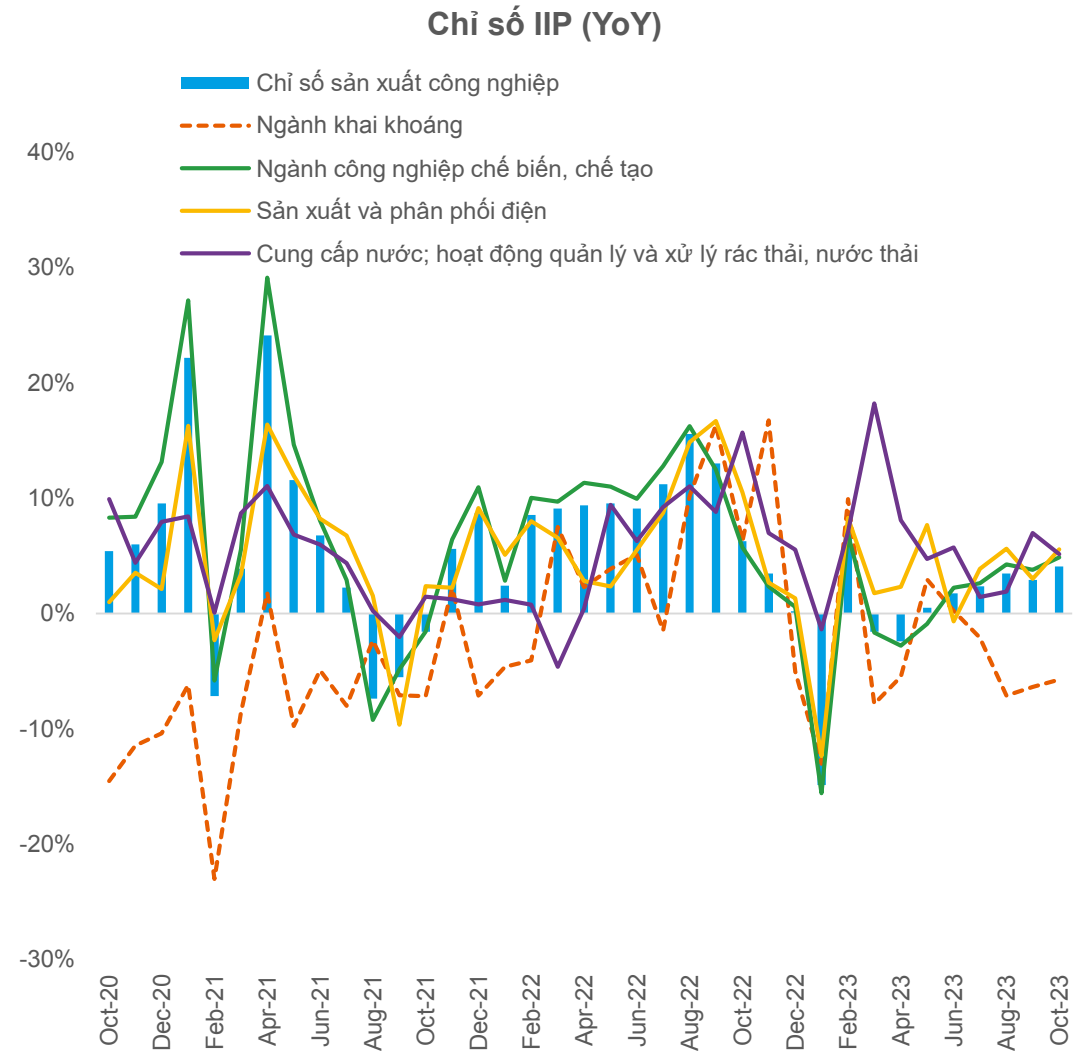
Chỉ tiêu	YoY	MoM	BQ
CPI chung	3.59%	0.08%	3.21%
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	2.81%	0.06%	3.55%
Đồ uống và thuốc lá	2.84%	0.15%	3.42%
May mặc, mũ nón và giày dép	1.97%	0.12%	2.27%
Nhà ở và vật liệu xây dựng	6.88%	0.27%	6.75%
Thiết bị và đồ dùng gia đình	1.70%	0.03%	2.22%
Thuốc và dịch vụ y tế	0.54%	0.02%	0.60%
Giao thông	3.90%	-1.51%	-3.24%
Bưu chính viễn thông	-1.34%	-0.11%	-0.69%
Giáo dục	7.14%	2.25%	7.29%
Văn hoá, giải trí và du lịch	1.34%	0.02%	2.82%
Hàng hóa và dịch vụ khác	5.91%	0.21%	4.37%



Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

4. Sản xuất tiếp tục hồi phục trong tháng 10 nhưng còn chậm

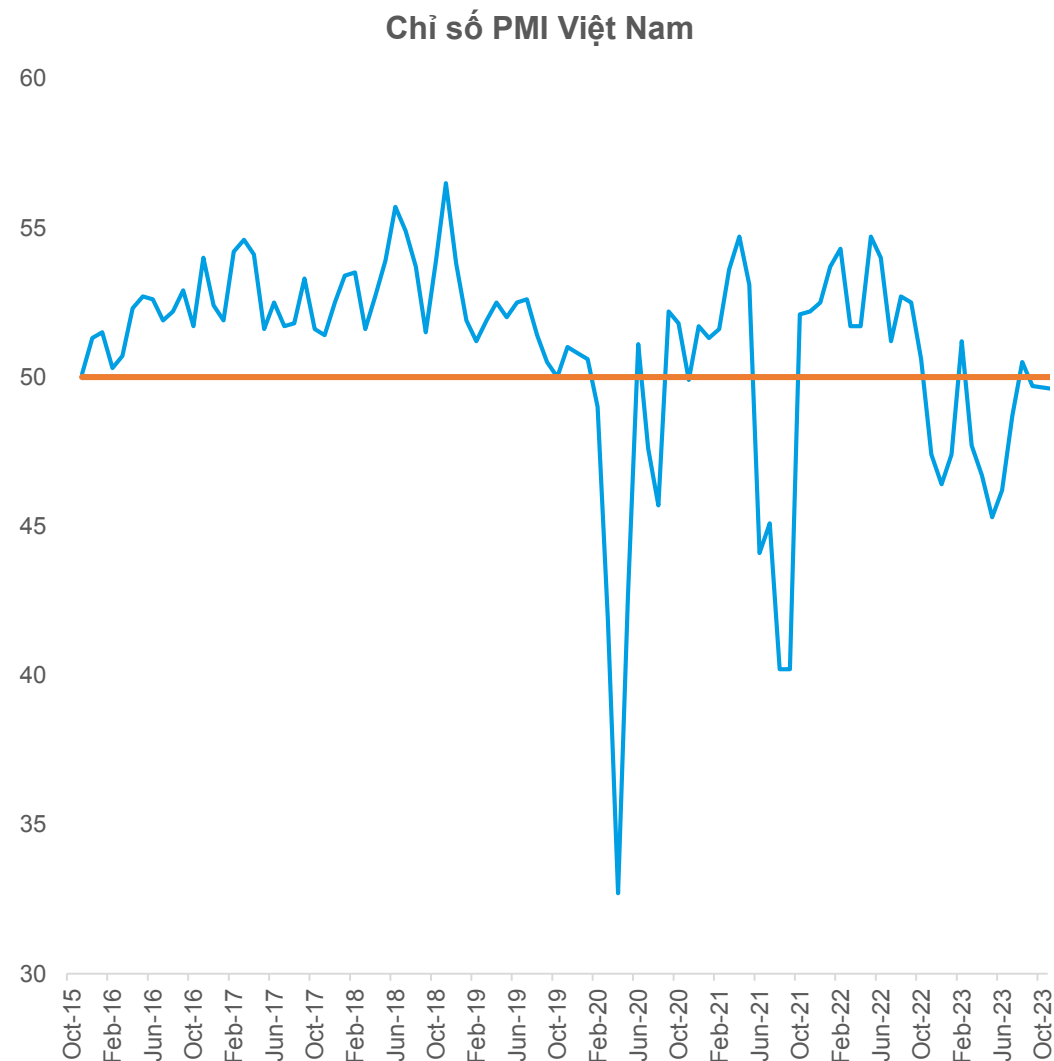
- **Chỉ số sản xuất công nghiệp IIP tháng 10/2023 tăng 5.5% MoM, tăng 4.1% YoY.** Các ngành sản xuất đa phần đều hồi phục trong tháng 10 nhưng tốc độ khác nhau.
- **Nhóm Khai khoáng** (+9.6% MoM, -5.7% YoY) là nhóm duy nhất suy giảm YoY. Tích cực nhất là Các hoạt động hỗ trợ khai thác (+25% YoY, +19% MoM), các nhóm khai khoáng còn lại đều tăng trưởng MoM nhưng thấp hơn so với cùng kỳ 2022.
- **Nhóm Ngành Chế biến chế tạo** (+6.2% MoM, +4.9% YoY) tiếp tục tăng trưởng tích cực trong tháng 10. Hầu hết các ngành sản xuất đều tăng trưởng tốt trong tháng 10 như các sản phẩm từ kim loại (+5% MoM, +21% YoY), giường – tủ - bàn ghế (+7% MoM, +19% YoY), dệt (+2% MoM, +18% YoY), cao su (+1% MoM, +15% YoY), kim loại (+6% MoM, +14% YoY), thực phẩm (+3% MoM, +12% YoY), trang phục (+3% MoM, +11% YoY), hóa chất (+5% MoM, +10% YoY).
- **Chỉ số IIP sản xuất điện** (-0.7% MoM, +5.6% YoY) tiếp tục duy trì sự tăng trưởng tích cực so với cùng kỳ nhưng giảm nhẹ so với tháng 9. Chúng tôi cho rằng là do nhu cầu điện giảm do người dân có xu hướng tiết kiệm hơn.
- **Màng Nước và xử lý rác thải** (-0.4% MoM, +5.2% YoY) duy trì tích cực trong ngắn và dài hạn, trong đó, xử lý rác thải thải là tích cực nhất (+1% MoM, +6% YoY).
- **Nhìn chung, các hoạt động sản xuất tiếp tục xu hướng hồi phục trong tháng 10 nhưng có sự phân hóa giữa các nhóm ngành chứ không đồng đều. Tốc độ hồi phục mặc dù vẫn có nhưng chúng tôi nhận thấy vẫn ở mức chậm.** Nhiều nhóm ngành sản xuất tăng so với cùng kỳ 2022 do mức nền thấp 2022, nhưng giảm so với tháng 9. Chúng tôi cho rằng đã hồi phục được duy trì nhưng vẫn chậm theo xu hướng chung của kinh tế thế giới.



Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

4. PMI tháng 10/2023 tiếp tục suy giảm

- PMI tháng 10/2023 của Việt Nam đạt 49.6 điểm, suy giảm so với mức 49.7 của tháng 9, theo đó, tình hình ngành sản xuất tiếp tục suy giảm trong tháng 10.
- Đơn hàng tăng nhưng sản lượng giảm:** Số lượng đơn hàng mới tăng tháng thứ 3 liên tiếp sau 6 tháng giảm, tuy nhiên, mức tăng chỉ tương đối nhẹ và là mức yếu nhất trong thời kỳ gần đây, trong đó số lượng đơn hàng xuất khẩu cũng tăng nhẹ nhưng tốt hơn đơn hàng trong nước. Mặc dù vậy, sản lượng vẫn tiếp tục giảm nhẹ, các công ty cho biết đã có thể đáp ứng các đơn hàng mới mà không cần tăng sản lượng. **Việc làm hầu như không thay đổi so với tháng trước.**
- Áp lực lạm phát tiếp tục tăng:** Cả chi phí đầu vào và giá cả đầu ra đều tăng nhanh hơn. Tỷ lệ lạm phát đã đạt mức cao của 8 tháng. Nguyên nhân đưa ra là do giá dầu – giá nhiên liệu tăng và sự mất giá của VND cũng khiến chi phí đầu vào tăng nhanh hơn. Theo đó, các công ty đã tăng mạnh giá bán đầu ra. Tồn kho hàng thành phẩm cũng giảm khi các nhà sản xuất đã sử dụng hàng tồn kho để đáp ứng các đơn hàng mới thay vì tăng sản lượng.
- Tình hình sản xuất trong tháng 10 cho thấy bức tranh tương tự tháng 9.** Số đơn hàng tăng nhưng vẫn còn khiêm tốn không đủ thúc đẩy các nhà sản xuất tăng sản lượng. Theo đó, số việc làm vẫn duy trì đi ngang, hàng tồn kho tiếp tục giảm. Điểm cần lưu ý trong tháng 10 là áp lực lạm phát tăng trở lại do giá dầu – nhiên liệu tăng cao và sự mất giá của VND cũng khiến chi phí đầu vào tăng nhanh. Chúng tôi cho rằng chặng đường hồi phục sẽ còn nhiều thách thức ít nhất đến hết 2023 trong bối cảnh Fed có thể sẽ giữ mức lãi suất cao trong thời gian dài hơn kỳ vọng.

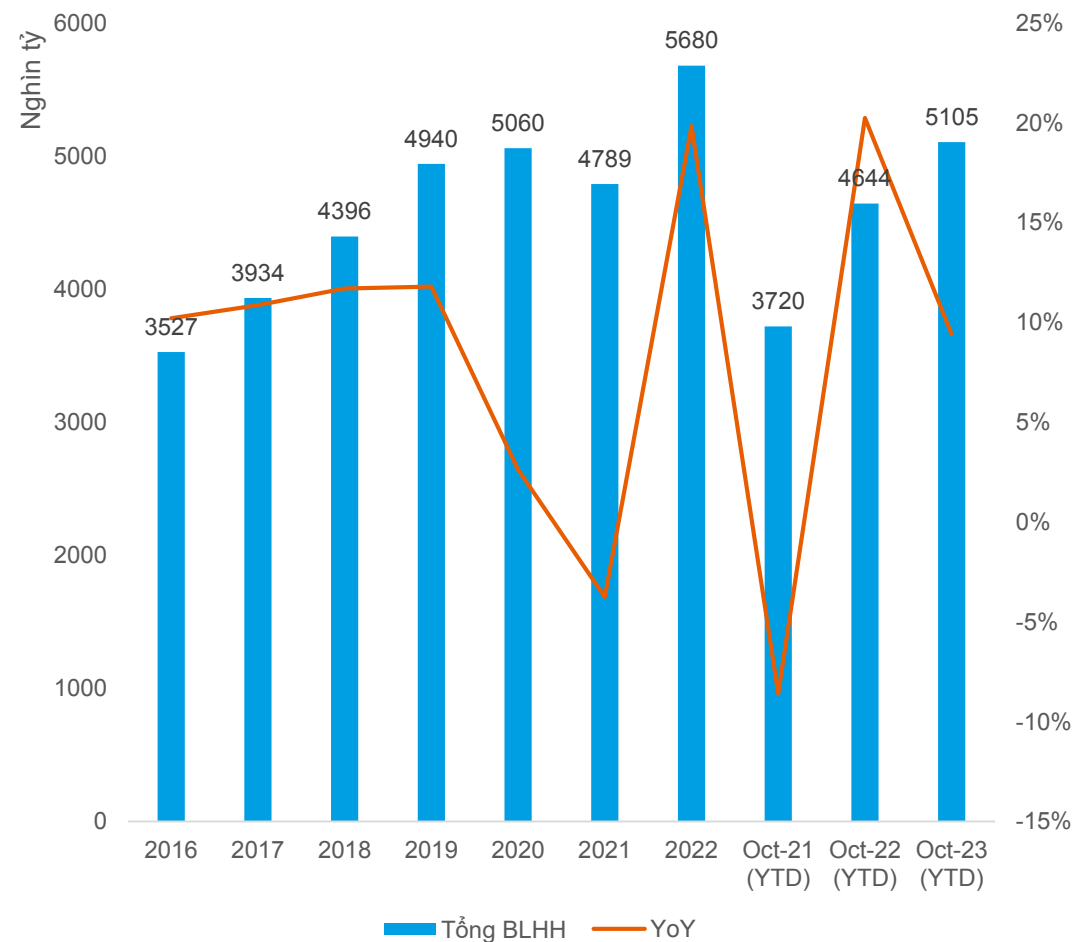


Nguồn: S&P Global, Yuanta Việt Nam

5. Tổng mức bán lẻ vẫn tăng trưởng nhưng chậm hơn quá khứ

- **Tổng mức bán lẻ tháng 10/2023** ước đạt 536 nghìn tỷ, tăng 1.5% MoM, tăng 7.0% YoY. Trong đó bán lẻ hàng hóa (+1.6% MoM, +6.7% YoY), dịch vụ lưu trú – ăn uống (+0.6% MoM, +14.9% YoY), dịch vụ lữ hành (-6.7% MoM, +51.4% YoY), dịch vụ khác (+2.2% MoM, +0.2% YoY). Tổng mức bán lẻ tháng 10 tiếp tục đà tăng trưởng so với cả tháng trước lẫn cùng kỳ nhưng tốc độ tăng là chậm hơn so với tháng trước. Mức tăng trưởng +7.0% YoY là tích cực nhưng vẫn tiếp tục chậm đáng kể so với các tháng trước (hầu như luôn trên 10%). Sự chậm lại thể hiện ở 2 nhóm chính là bán lẻ hàng hóa và dịch vụ ăn uống. Chúng tôi vẫn cho rằng điều này cho thấy người tiêu dùng vẫn còn tâm lý thắt chặt chi tiêu hơn do bị ảnh hưởng thời gian qua. Một lý do khác là người dân tăng tiết kiệm thay vì tiêu dùng, theo số liệu từ NHNN, tính đến tháng 8/2023, tổng tiền gửi tiết kiệm của dân cư đạt mức cao nhất lịch sử là 6.43 triệu tỷ đồng, là tháng tăng thứ 13 liên tiếp cho thấy xu hướng tiết kiệm tăng lên.
- **Lũy kế 10T2023**, tổng mức bán lẻ hàng hóa đạt 5,105 nghìn tỷ đồng, tăng 9.4% YoY cho thấy sức mua tiếp tục duy trì mạnh mẽ mặc dù có sự chậm lại nhất định so với trước đây.
- **Chúng tôi vẫn giữ quan điểm tích cực về tiềm năng mạnh mẽ của ngành bán lẻ trong trung-dài hạn.** Tuy nhiên, chúng tôi lưu ý đến hiện tại vẫn chưa có dấu hiệu cho thấy ngành bán lẻ sẽ hồi phục trở lại nhanh như trước đây (trên 10% YoY). Chúng tôi cho rằng sẽ cần thêm thời gian để nền kinh tế hồi phục, nhu cầu lao động cũng như sức mua người tiêu dùng thật sự quay lại tốc độ tăng trưởng nhanh như trước đây.

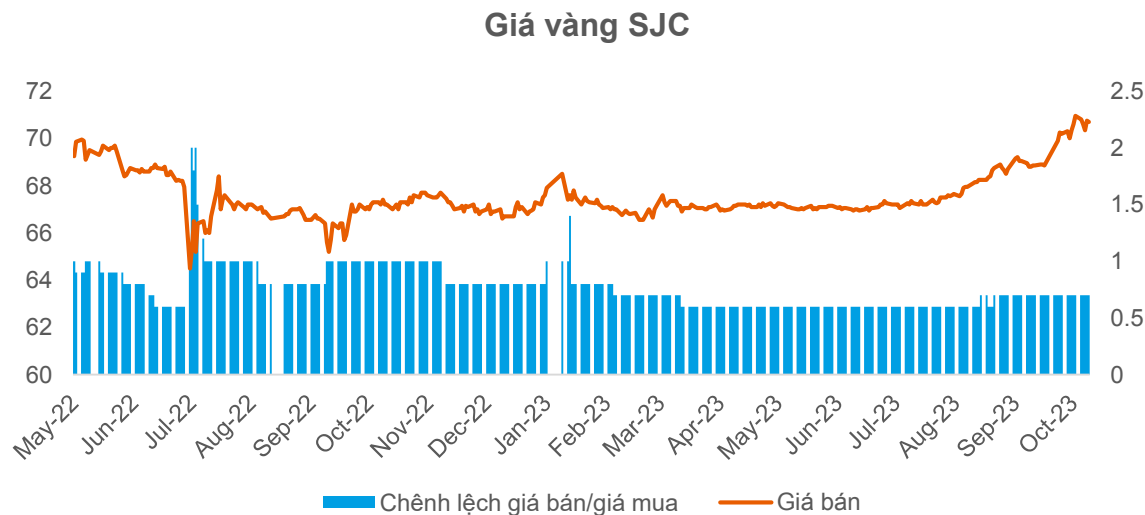
Tổng mức bán lẻ hàng hóa hàng năm (nghìn tỷ VNĐ)



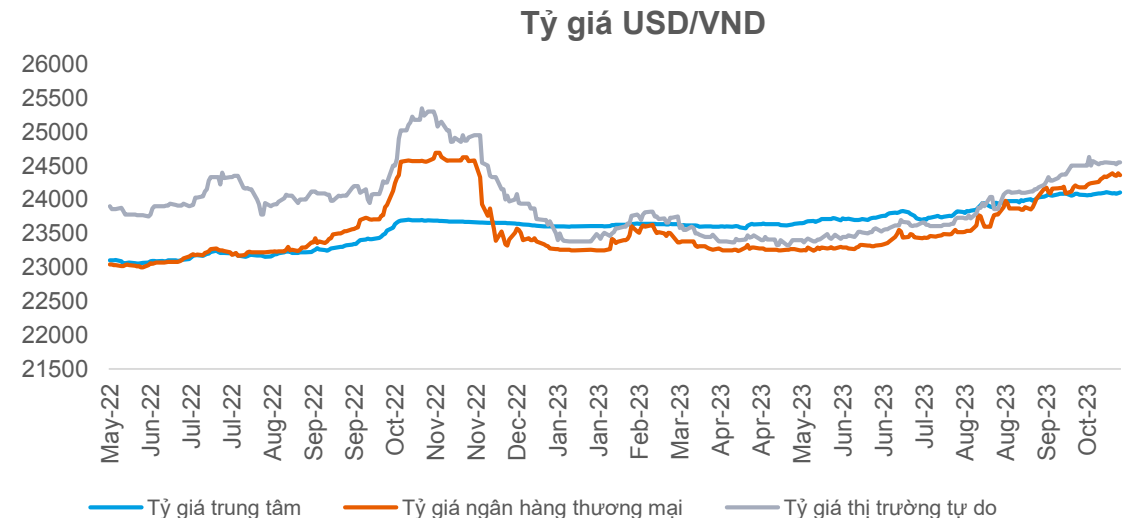
Nguồn: GSO, Yuanta Việt Nam

6. Giá vàng tăng - Áp lực tỷ giá vẫn cao

Giá vàng SJC trong nước tiếp tục tăng trong tháng 10/2023 ở cả 2 chiều mua vào (+2.71% MoM) và bán ra (+2.69% MoM), chênh lệch mua bán đi ngang ở mức 700,000 đồng/lượng. Giá vàng thế giới cũng tăng mạnh 7.1% MoM, tuy nhiên do tỷ giá USD/VND tăng nên khoảng cách giá vàng SJC trong nước cao hơn giá vàng thế giới, thu hẹp xuống 18% (tại ngày 30/10/2023). Giá vàng trong nước tăng lên theo giá vàng thế giới, ngoài ra, theo chúng tôi còn do lo ngại rủi ro về tỷ giá và lạm phát trong nước.



Tỷ giá tiếp tục theo chiều hướng tăng trong tháng 10/2023, tuy nhiên mức độ là nhẹ hơn tháng 9, tỷ giá trung tâm tăng 0.1% MoM, tỷ giá NHTM tăng 1.1% MoM, tỷ giá trên thị trường tự do cũng tăng 0.7% MoM. Giá USD đi ngang nhưng duy trì ở mức cao trên thị trường thế giới. Tỷ giá USD/VND tăng cao phần lớn là do mức chênh lệch lãi suất giữa Việt Nam và Mỹ, trong bối cảnh kỳ vọng Fed sẽ giữ mức lãi suất cao trong 1 thời gian dài hơn. NHNN đã bắt đầu phát hành tín phiếu từ cuối tháng 9 giúp giảm áp lực đầu cơ tỷ giá trong ngắn hạn, tuy nhiên, hiện tại tỷ giá vẫn chưa giảm nhiều và đây cũng là một rủi ro cần theo dõi thêm.



Nguồn: FiinGroup, Yuanta Việt Nam

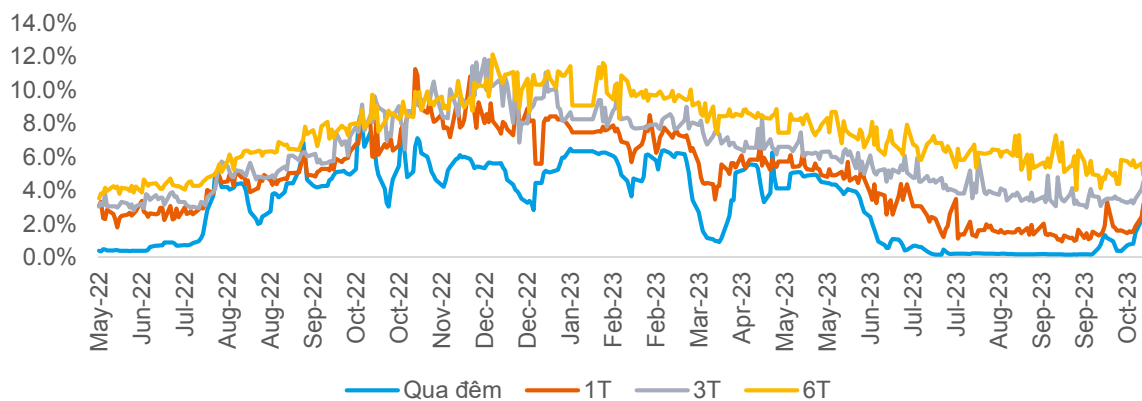
7. Mặt bằng lãi suất tăng trở lại - Rủi ro vĩ mô ở mức độ “cần chú ý”

Lãi suất liên NH biến động tăng trở lại trong tháng 10: Lãi suất qua đêm tăng 255bps lên 2.7%, kỳ hạn 1T tăng 149bps lên 3.0%, 3T tăng 10bps lên 3.8%, 6T tăng 54bps MoM lên 5.5%.

Mặt bằng lãi suất liên NH tăng trở lại do NHNN đã hút tiền ròng trong tháng 10 thông qua kênh phát hành tín phiếu. Trong suốt các phiên giao dịch của tháng 10, NHNN đều hút ròng khoảng 5-20 nghìn tỷ/phiên, chỉ có 6 phiên từ ngày 19/10 đến 26/10 là NHNN bơm ròng trở lại 5-20 nghìn tỷ/phiên.

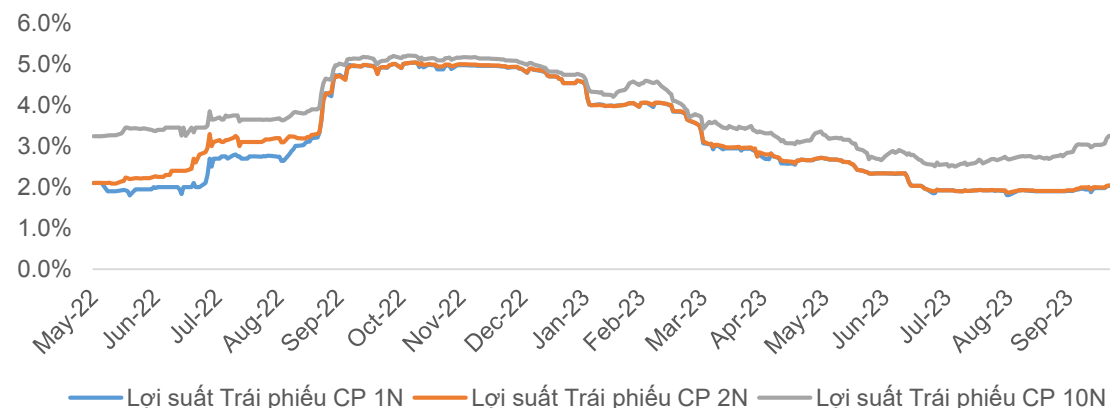
Chúng tôi cho rằng việc hút ròng tiền của NHNN chủ yếu nhằm hỗ trợ tỷ giá trong bối cảnh thanh khoản dồi dào. Tuy nhiên, gần đây lãi suất liên ngân hàng đã tăng trở lại và sẽ cần thêm thời gian để tác động thật sự lên tỷ giá. Theo đó, tình trạng hút ròng có thể sẽ giảm khi tỷ giá hạ nhiệt trong thời gian tới.

Lãi suất BQ Liên ngân hàng



Lợi suất Trái phiếu Chính phủ tiếp tục tăng nhẹ ở các kỳ hạn: kỳ hạn 1N tăng 10bps MoM, kỳ hạn 2N tăng 12bps MoM, kỳ hạn 10N tăng 28bps MoM. Điều này cho thấy các rủi ro vĩ mô có dấu hiệu tăng trong tháng 10 mặc dù là không nhiều. **Chúng tôi đánh giá mức độ rủi ro không quá lớn do xuất siêu duy trì mức cao và dòng vốn FDI vào Việt Nam đang tăng trưởng trở lại,** dù vậy, vẫn cần lưu ý vấn đề lạm phát, xuất nhập khẩu vẫn chưa phục hồi mạnh và tỷ giá đang ở mức cao.

Lợi suất trái phiếu Chính phủ

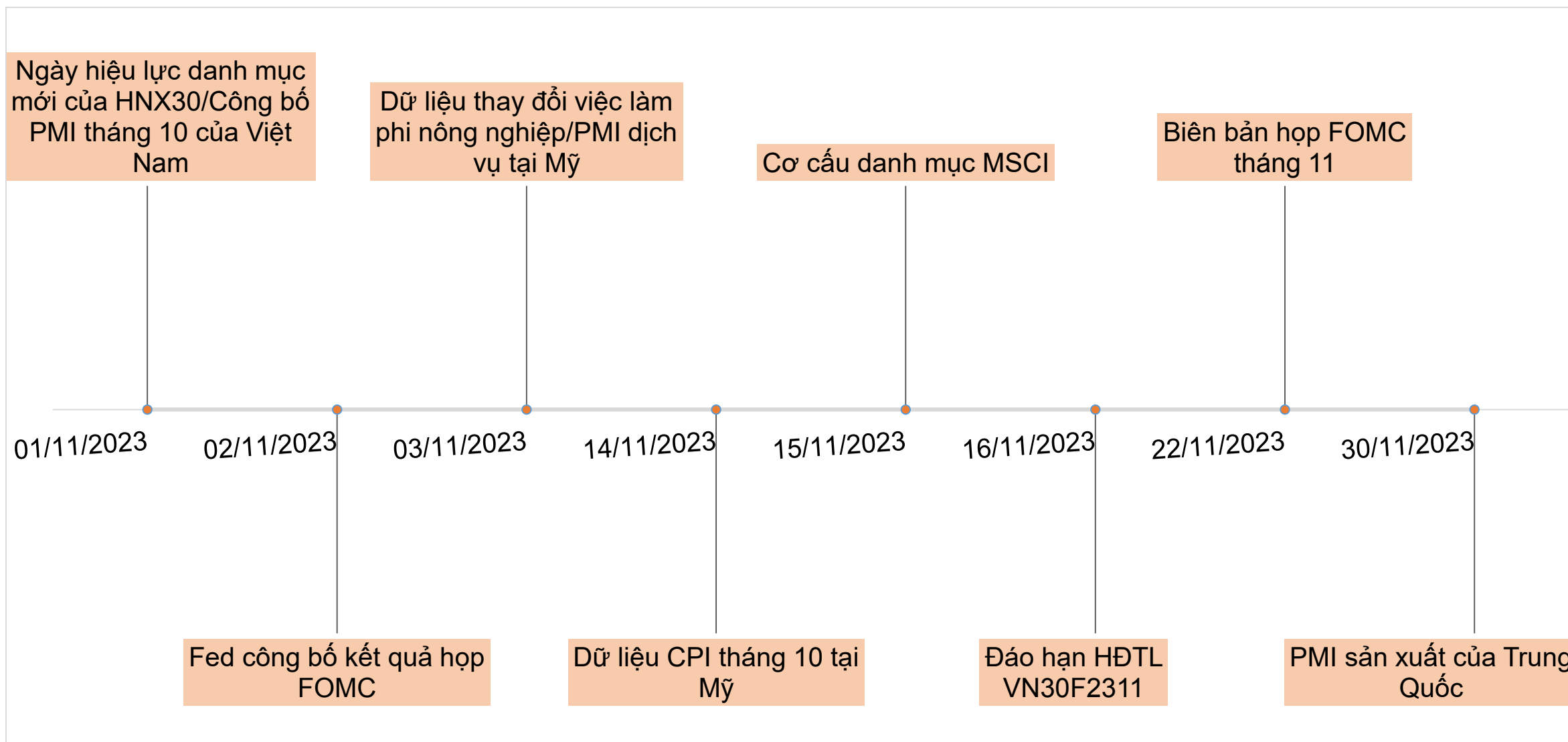


Nguồn: FiinGroup, Yuanta Việt Nam

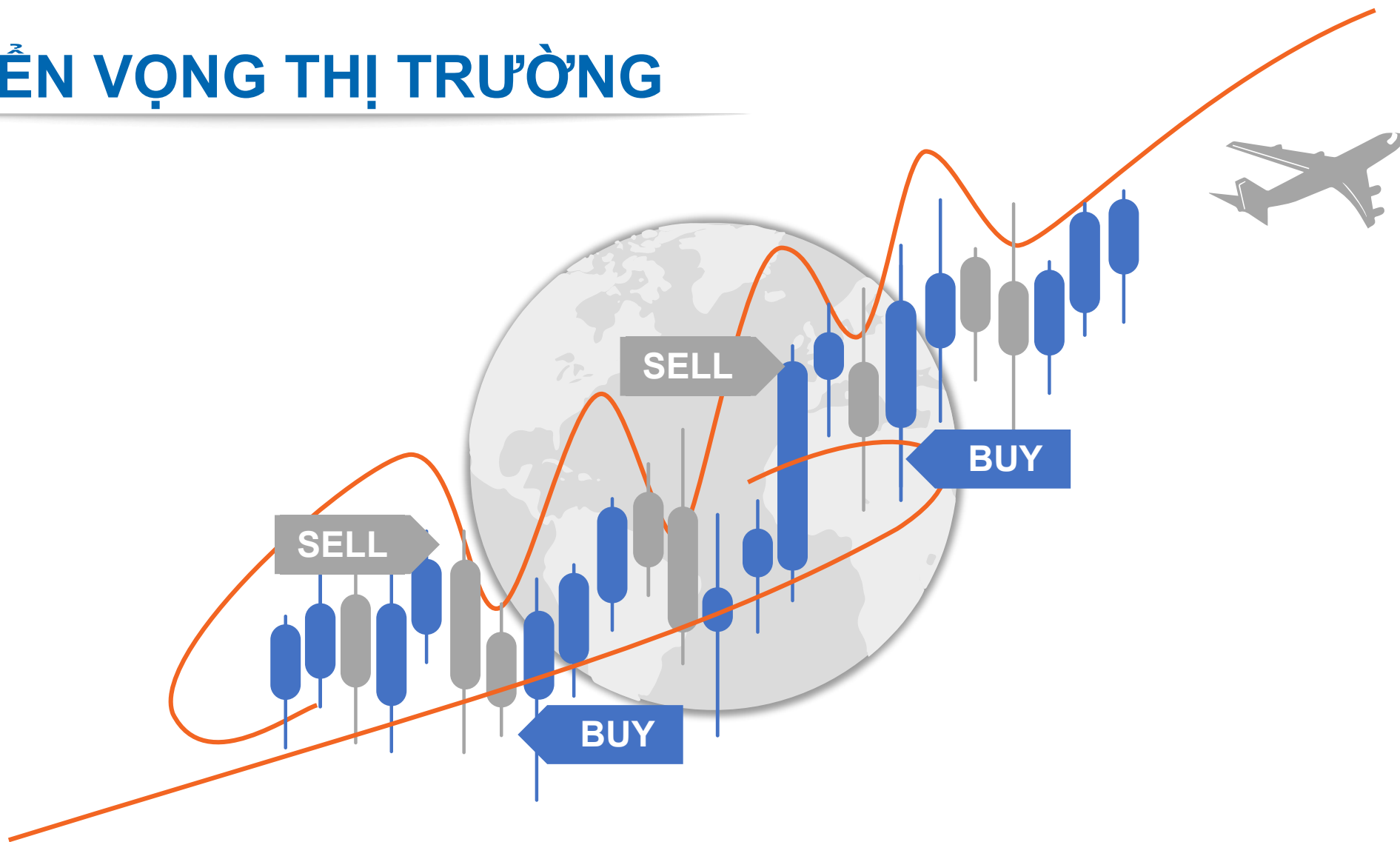
Kết luận và dự báo tình hình vĩ mô Việt Nam

- Tình hình kinh tế trong tháng 10 vẫn đang hồi phục với tốc độ chậm từ nhu cầu tiêu dùng người dân trong nước lẫn nhu cầu hàng hóa từ các thị trường xuất khẩu. Hoạt động sản xuất công nghiệp tăng trưởng chậm và gặp khó khăn khi chi phí đầu vào tăng dưới áp lực giá nguyên liệu tăng và VNĐ mất giá. Người dân có xu hướng thắt chặt chi tiêu và gia tăng tiết kiệm trong bối cảnh kinh tế phải phục chậm và lạm phát vẫn duy trì xu hướng tăng nhẹ trong những tháng gần đây.
- Giá vàng trong nước cũng như thế giới tăng đáng kể trong khi tỷ giá giữ xu hướng tăng trong tháng 10 do mức chênh lệch lãi suất VND-USD cao. NHNN duy trì việc hút ròng tín phiếu trong tháng 10 với mức lãi suất trúng thầu nhìn chung cao hơn những phiên đầu hút ròng vào cuối tháng 9, việc này cũng tác động phần nào tới lãi suất liên ngân hàng tăng trở lại trong tháng 10.
- Nhìn chung, **mức độ đồ hồi phục ở nhiều lĩnh vực ngành nghề trong tháng 10 dù chậm nhưng vẫn duy trì được đà tăng so với cùng kỳ và tháng trước** là tín hiệu tích cực hơn nhiều so với hầu hết các nền kinh tế trên thế giới. Ngoài trừ, dòng vốn FDI vào Việt Nam tăng trưởng mạnh mẽ trong những tháng gần đây thì dòng vốn giải ngân đầu tư công cũng là một điểm sáng, giải ngân vốn đầu tư công đạt 479,3 nghìn tỷ, tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước.
- Chúng tôi vẫn giữ quan điểm rằng đầu tư công là yếu tố đóng góp đáng kể vào tăng trưởng kinh tế trong hai tháng còn lại của năm 2023. Bên cạnh đó, ngoài nhiều công cụ chính sách tiền tệ được NHNN sử dụng hỗ trợ nền kinh tế trong thời gian qua, chúng tôi nhận thấy, các chính sách tài khóa cũng đang được đề xuất thêm để kích cầu tiêu dùng hỗ trợ nền kinh tế, đồng thời phát huy hơn nữa hiệu quả các chính sách tài khóa đã áp dụng từ đầu năm. Kỳ vọng điều này sẽ hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong năm 2024 khi dư địa sử dụng chính sách tài khóa còn nhiều.

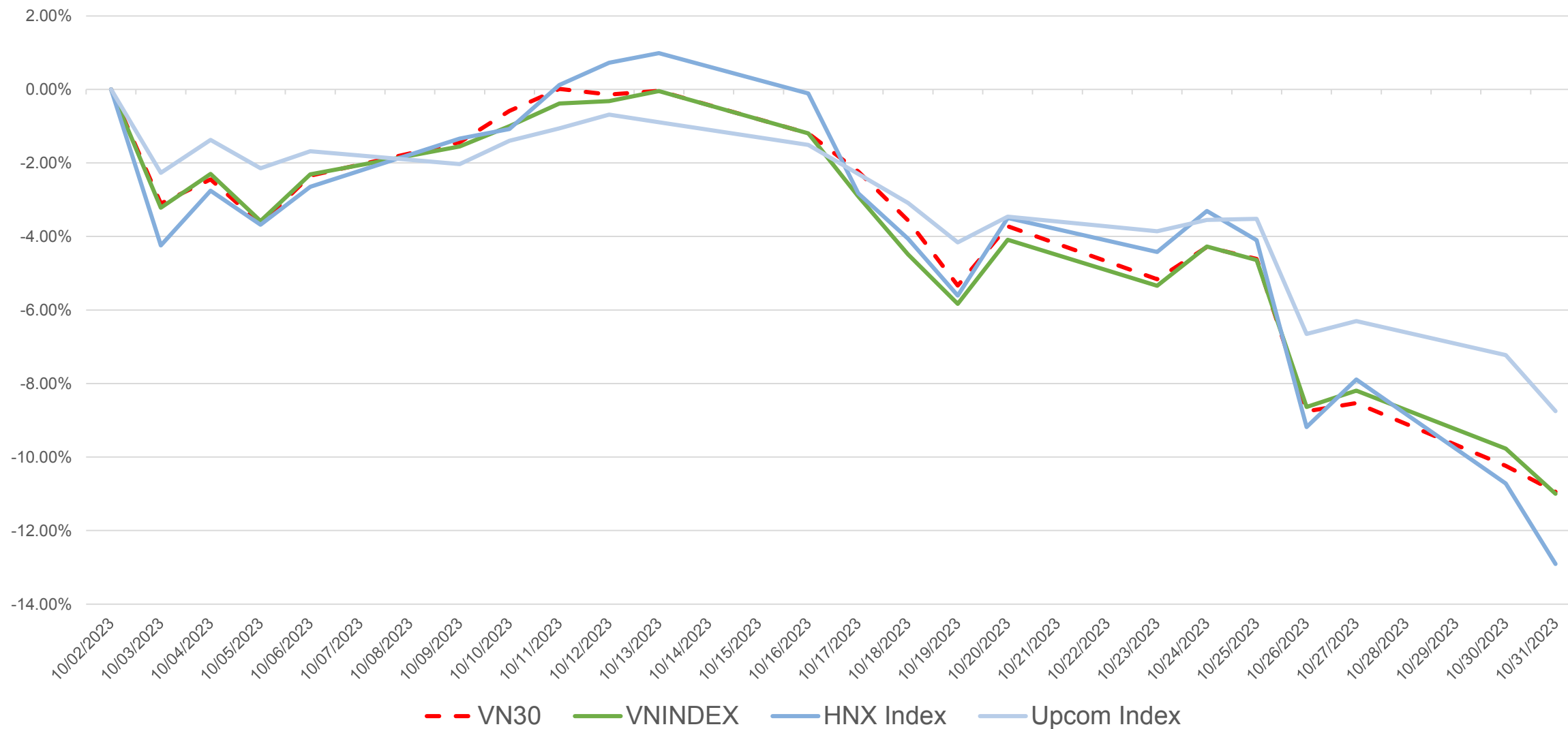
Lịch sự kiện tháng 11/2023



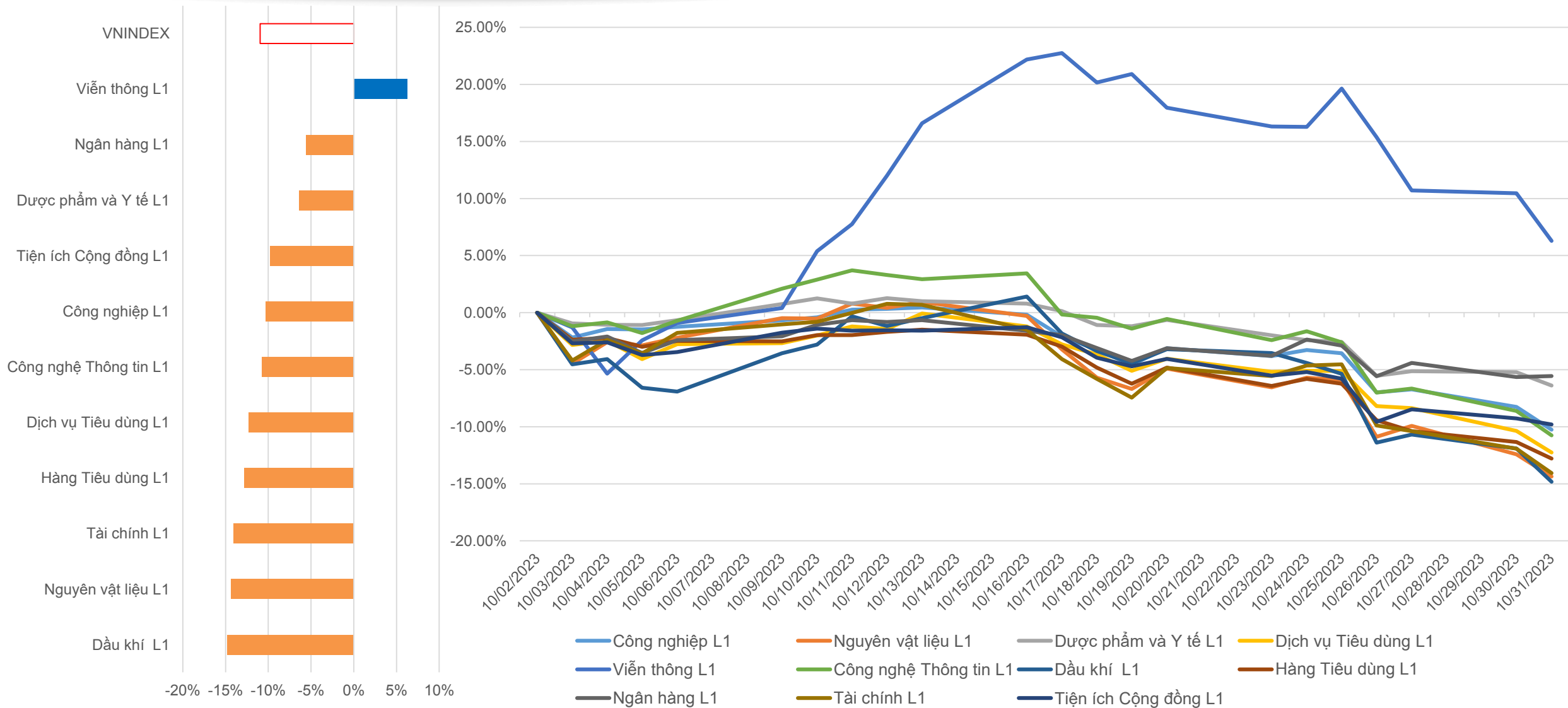
TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG



1. Chỉ số HNX-Index giảm mạnh nhất trong tháng 10/2023

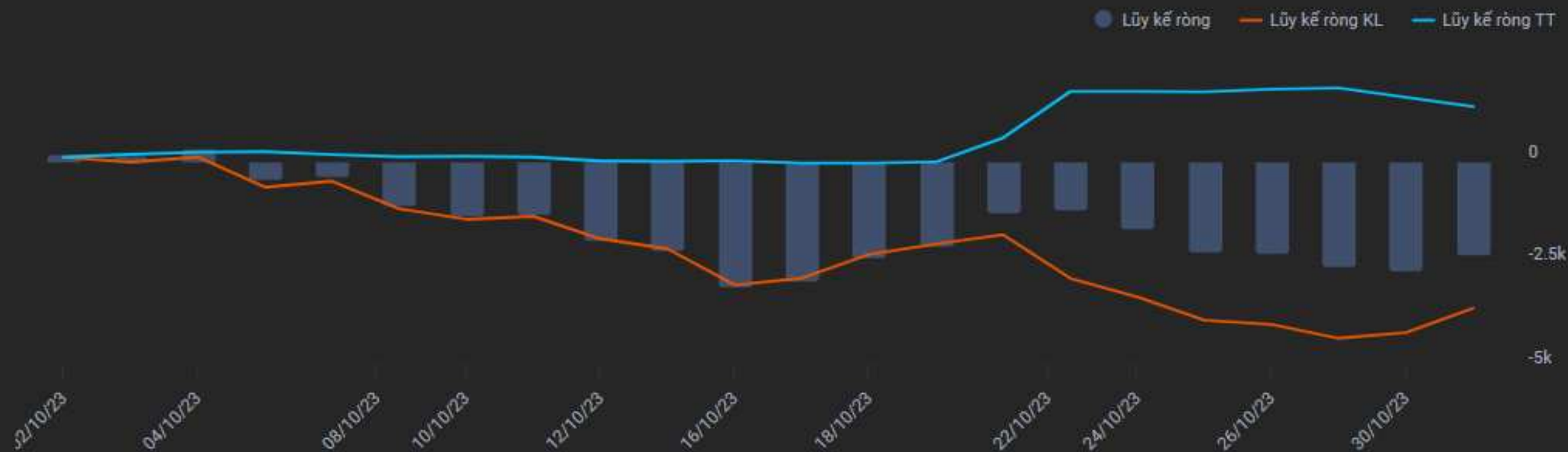


1. Nhóm dầu khí giảm mạnh nhất trong tháng 10/2023

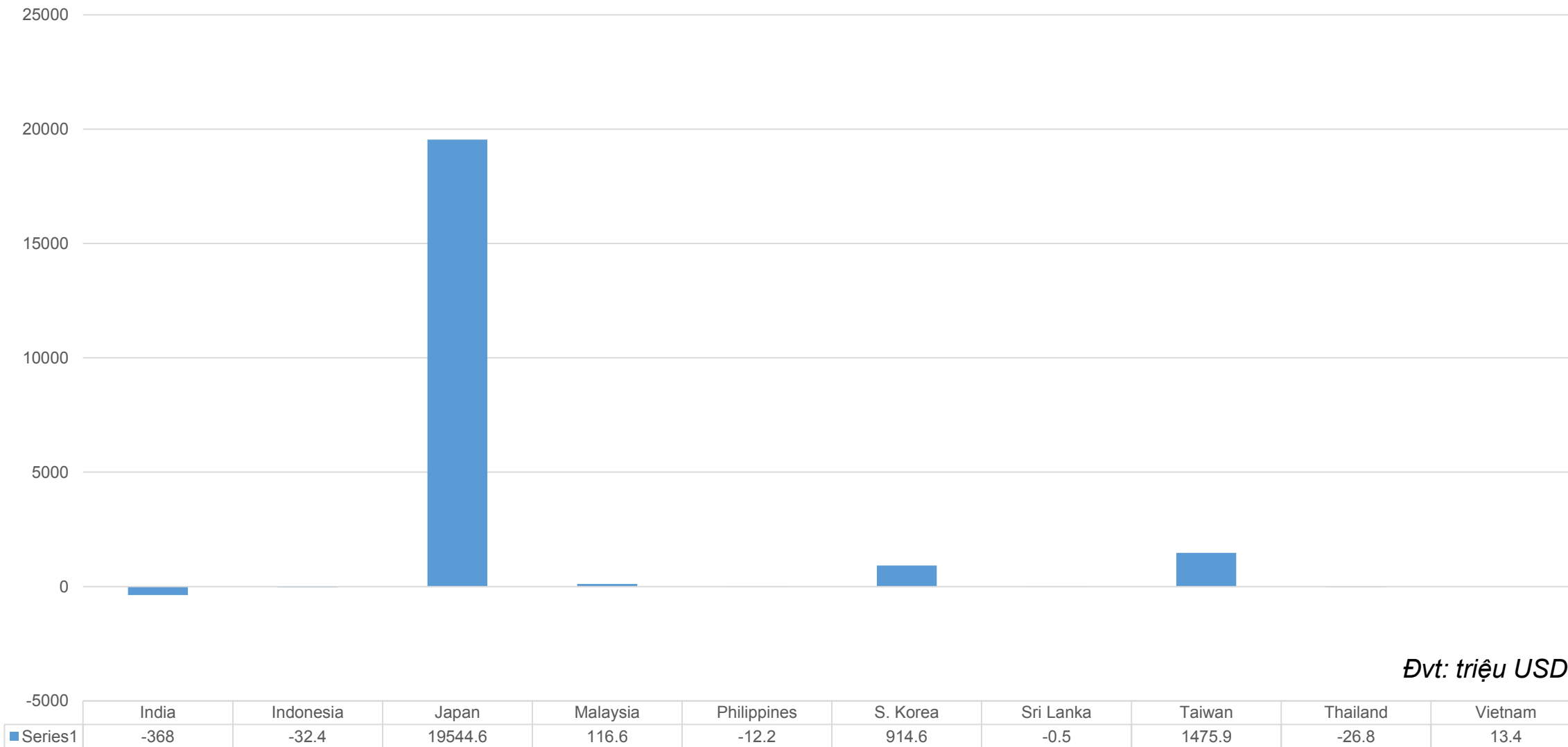


2. Khối ngoại thu hẹp đà bán ròng vào cuối tháng 10/2023

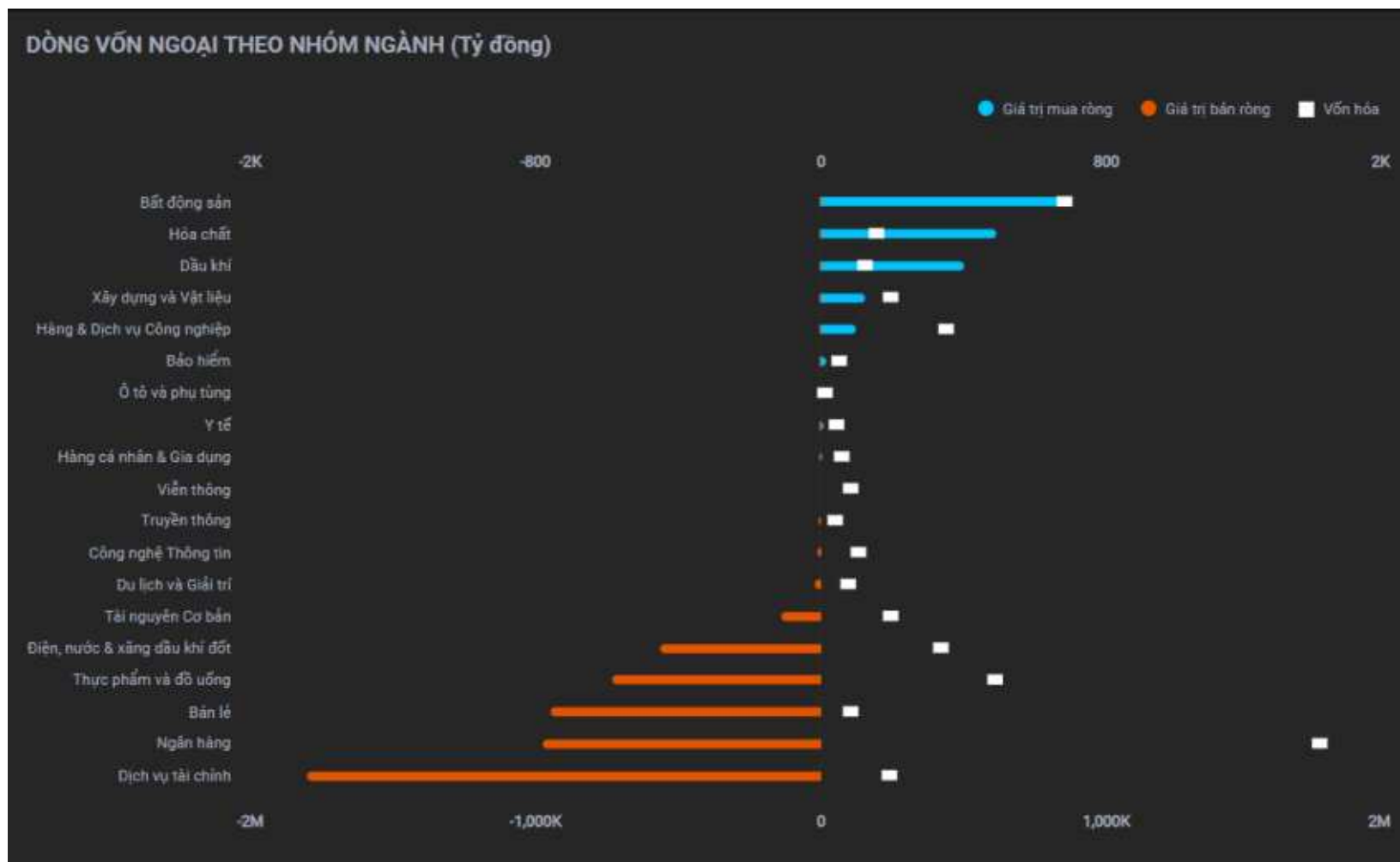
GIÁ TRỊ LŨY KẾ RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI



2. Dòng vốn quay trở lại thị trường châu Á



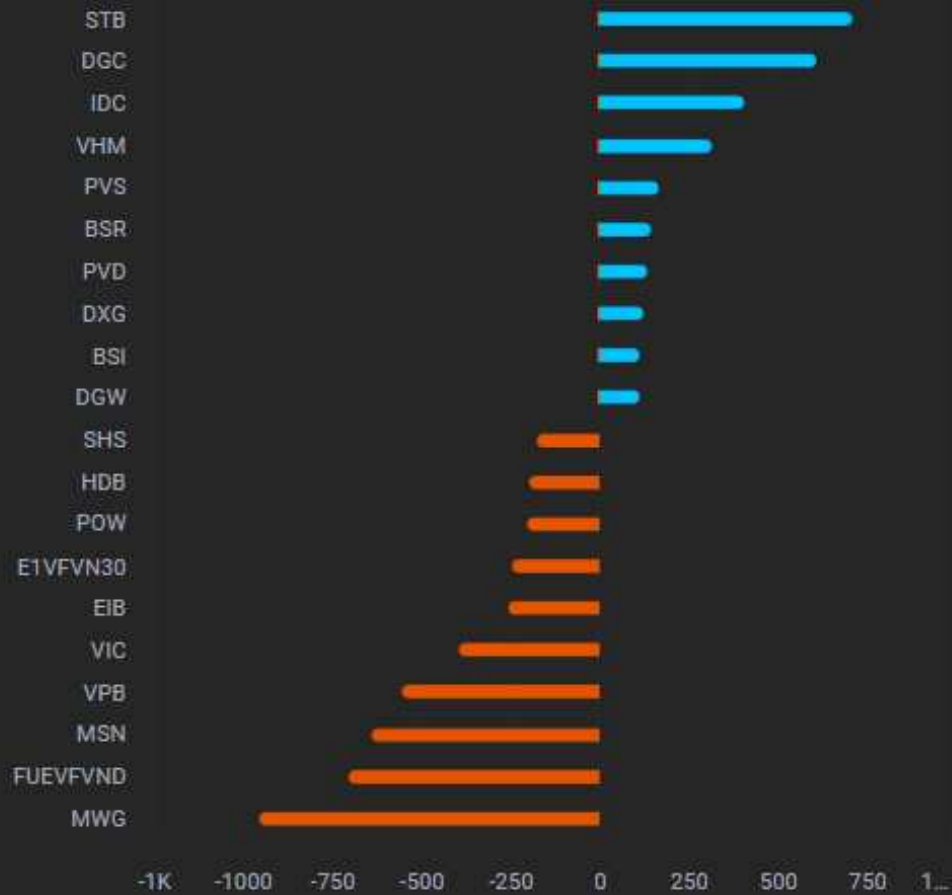
2. Khối ngoại tập trung mua ròng vào nhóm BĐS, hóa chất và dầu khí



2. Khối ngoại bán ròng mạnh các quỹ ETF nội

TOP CỔ PHIẾU MUA VÀ BÁN RÒNG

● Top CP mua ròng ● Top CP bán ròng



TỶ LỆ SỞ HỮU KHỐI NGOẠI SO VỚI THỊ TRƯỜNG

TOÀN THỊ TRƯỜNG

TỶ LỆ SỞ HỮU

18%

TỔNG VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (Tỷ đồng)

129,243,531

TỔNG VỐN HÓA KHỐI NGOẠI (Tỷ đồng)

23,446,227

HSX

TỶ LỆ SỞ HỮU

22%

TỔNG VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (Tỷ đồng)

99,004,170

TỔNG VỐN HÓA KHỐI NGOẠI (Tỷ đồng)

21,922,954

HNX

TỶ LỆ SỞ HỮU

7%

TỔNG VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (Tỷ đồng)

6,748,008

TỔNG VỐN HÓA KHỐI NGOẠI (Tỷ đồng)

478,115

UPC

TỶ LỆ SỞ HỮU

4%

TỔNG VỐN HÓA THỊ TRƯỜNG (Tỷ đồng)

23,491,353

TỔNG VỐN HÓA KHỐI NGOẠI (Tỷ đồng)

1,045,158

3. Thị trường có thể quay trở lại đà tăng trong tháng kế tiếp

- Chỉ số VN-Index đóng cửa ở mức 1,028 điểm (-10.90%) với khối lượng giao dịch giảm 24% so với tháng trước đó. Đồng thời, thị trường có dấu hiệu bước vào giai đoạn tích lũy dài hạn và các chỉ báo kỹ thuật giảm về gần vùng quá bán cho nên thị trường có thể sẽ sớm quay trở lại đà tăng trong tháng kế tiếp. Ngoài ra, thị trường đang vào mùa công bố KQKD quý 03/2023 cho nên dòng tiền có thể phân hóa giữa các nhóm cổ phiếu và thanh khoản ở mức thấp.
- Xu hướng dài hạn của thị trường chung vẫn duy trì ở mức TĂNG. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư dài hạn có thể tiếp tục tích lũy cổ phiếu cho danh mục dài hạn.
- Nhóm cổ phiếu chú ý tháng 11/2023:
 - Hóa chất: **DGC, DCM, LAS, CSV, PHR.**
 - Vận tải: **GMD, PVT, VIP, HAH, PVP.**
 - Sản xuất thực phẩm: **QNS.**
 - Dịch vụ tài chính: **SSI, FTS, BSI, VIX, HCM.**
 - Ngân hàng: **STB, VCB, TCB, ACB, MBB.**
 - Bất động sản: **CEO, KBC, DTD, IDC, LHG.**
 - Nước và khí đốt: **CNG.**
 - Phần mềm và dịch vụ máy tính: **FPT.**
 - Dược phẩm: **DBD.**

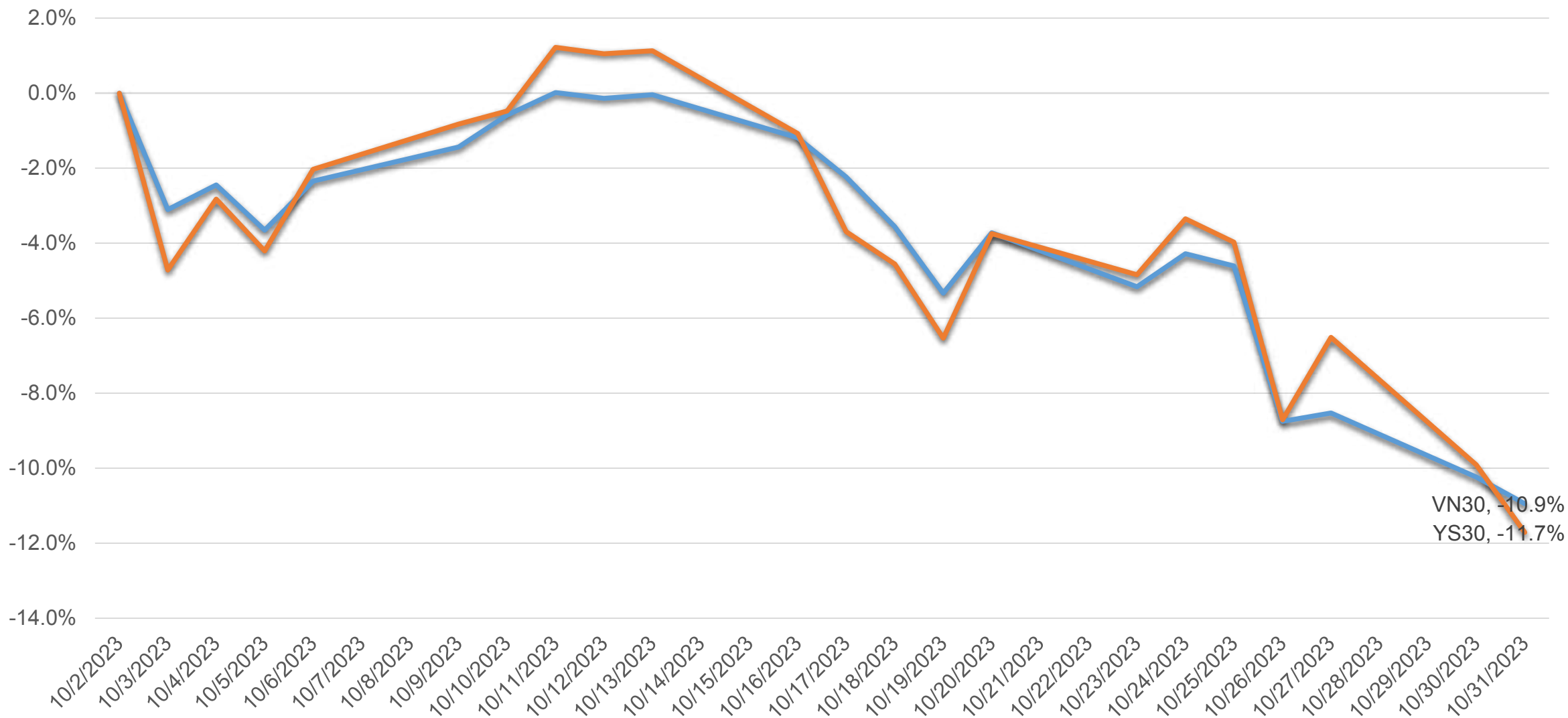


Đồ thị tháng của chỉ số VN-Index. Nguồn: YSVN

4. Hiệu quả khuyến nghị đầu tư hàng ngày trong tháng 10/2023

Chỉ tiêu		2019	2020	2021	2022	Q1/2023	Q2/2023	Q3/2023	T10/2023	10T2023
Số KN mua		222	128	210	127	27	23	41	13	104
Số KN Bán		212	123	218	135	25	17	50	15	107
Số KN chốt lời	Số lần	88	57	113	47	7	4	25	2	38
	Lãi TB	9.1%	15.5%	24.7%	13.5%	11.1%	13.7%	8.2%	17.8%	9.8%
Số KN cắt lỗ	Số lần	124	66	105	88	18	13	25	13	69
	Lỗ TB	-3.4%	-5.1%	-5.8%	-8.0%	-5.3%	-3.2%	-4.9%	-8.3%	-5.3%
Thời gian nắm giữ TB		21	20	24	17	21	33	23	12	23
% Tỷ suất LN Trung bình		8.9%	4.4%	10.0%	-0.5%	-0.7%	0.8%	1.6%	-4.8%	0.0%
% Tăng trưởng Vnindex		7.8%	14.9%	35.7%	-32.6%	5.5%	5.2%	3.0%	-10.9%	1.9%
% Tăng trưởng VN30		2.7%	21.8%	43.4%	-34.3%	6.6%	4.5%	3.8%	-10.9%	3.1%
% Tăng trưởng Vaneck		8.4%	9.4%	21.4%	-39.8%	2.9%	9.3%	1.8%	-12.6%	-0.1%
% Tăng trưởng DB FTSE		4.2%	16.4%	30.4%	-43.0%	3.9%	7.6%	-2.9%	-14.4%	-7.1%
% Tăng trưởng E1VFN30		3.1%	22.0%	43.5%	-31.1%	6.2%	5.2%	4.1%	-9.1%	5.6%
% Lợi nhuận cao nhất	Tỷ suất lợi nhuận	102.9%	79.2%	140.3%	53.1%	37.4%	29.4%	28.4%	20.1%	37.4%
	Tên Cổ phiếu	CTR	DBC	AGR	FRT	STB	BID	PVS	DGC	STB
% Lợi nhuận thấp nhất	Tỷ suất lợi nhuận	-8.6%	-20.5%	-14.5%	-16.8%	-10.6%	-5.1%	-11.6%	-13.6%	-13.6%
	Tên Cổ phiếu	MPC	CTR	NKG	TNH	VIP	TCM	TVD	PDR	PDR

4. Hiệu quả đầu tư của danh mục YS30 trong tháng 10/2023



4. Hiệu quả đầu tư của danh mục YS30 từ đầu năm 2021



Liên hệ

Phòng Nghiên cứu và Phân tích khối Khách hàng cá nhân

+84 28 3622 6868 ext 3826

research.re@yuanta.com.vn

Global Disclaimer

© 2020 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or and any form or manner, without the express written consent of Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited.